

## PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VẬN DỤNG KIẾN THỨC CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (VẬN DỤNG QUA PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM LỚP 11)

Nguyễn Thành Nhân\* và Trần Thị Hải Lê

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*

**Tóm tắt.** Định hướng đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông là tích cực hoá hoạt động của người học, chú trọng tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động học tập gắn với những tình huống của cuộc sống; gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn. Những biện pháp phát triển năng lực vận dụng kiến thức của học sinh là rất cần thiết trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông, giúp các em có khả năng kết nối những vấn đề lịch sử trong quá khứ với cuộc sống hiện tại, nhận thức được giá trị khoa học và thực tiễn của Sử học trong đời sống xã hội hiện đại, từ đó có tình yêu đối với lịch sử, văn hoá dân tộc và nhân loại; góp phần định hướng lựa chọn nghề nghiệp của mình, thực hiện nguyên lí giáo dục “*Học đi đôi với hành, lí luận gắn liền với thực tiễn*”.

**Từ khóa:** Phát triển, năng lực vận dụng kiến thức, trung học phổ thông.

### 1. Mở đầu

Hiện nay, nền Giáo dục Việt Nam đang thực hiện công cuộc đổi mới mạnh mẽ nhằm thực hiện mục tiêu được đề ra trong Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 11/4/2013: “Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn”. Cùng với các môn học khác, Lịch sử đang tiến hành bước chuyển đổi từ dạy học tiếp cận nội dung là chủ yếu, sang dạy học phát triển năng lực (NL) người học, thay đổi phương pháp dạy học (PPDH) theo lối “truyền thụ một chiều” sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kĩ năng, hình thành NL và phẩm chất (nghĩa là từ chỗ quan tâm đến việc HS học được cái gì đến chỗ quan tâm HS vận dụng được cái gì qua việc học). Để đạt được mục tiêu trên, ngoài những phẩm chất chủ yếu và NL chung được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (2018), môn Lịch sử còn phải hình thành và phát triển NL riêng của bộ môn, đặc biệt là NL vận dụng kiến thức (VDKT). Đây là NL rất quan trọng, giúp HS nhận thức được giá trị khoa học và thực tiễn của Sử học trong đời sống xã hội hiện đại, hiểu biết và có tình yêu đối với lịch sử, văn hoá dân tộc và nhân loại; góp phần định hướng nghề nghiệp cho các em. Tuy nhiên, thực tiễn dạy học lịch sử (DHLS) ở các trường trung học phổ thông (THPT) hiện nay cho thấy, giáo viên (GV) và học sinh (HS) gặp nhiều khó khăn khi VDKT lịch sử vào trong học tập cuộc sống.

Đã có một số tài liệu viết về VDKT trong dạy học nói chung, DHLS nói riêng [1-6],... nhưng chưa có công trình nghiên cứu chuyên biệt về phát triển NL VDKT cho HS trong DHLS Việt Nam lớp 11 ở trường THPT. Vì vậy, trên cơ sở tiếp cận những nguồn tài liệu có liên quan,

---

Ngày nhận bài: 2/8/2021. Ngày sửa bài: 29/8/2021. Ngày nhận đăng: 10/9/2021.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thành Nhân. Địa chỉ e-mail: [nguyenthannhan@dhsphue.edu.vn](mailto:nguyenthannhan@dhsphue.edu.vn)

bài viết này sẽ tập trung làm rõ một số nội dung: Quan niệm và biểu hiện NL VDKT của HS trong DHLS; Quy trình phát triển NL VDKT cho HS trong DHLS; Đánh giá NL VDKT của HS trong DHLS ở trường THPT.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Quan niệm về năng lực và phát triển năng lực vận dụng kiến thức của HS

#### \* Năng lực

Năng lực (competence) có nguồn gốc tiếng La tinh là “competentia” có nghĩa là gặp gỡ. Trong tiếng Anh, từ NL được sử dụng với nhiều nghĩa cụ thể gắn với các lĩnh vực khác nhau, trong những tình huống và ngữ cảnh riêng. Có rất nhiều quan niệm khác nhau về NL, trong bài viết này, chúng tôi sử dụng định nghĩa NL được trình bày trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (2018)*: “NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể” [7].

Khác với *tiềm năng*, NL chủ yếu hiện ra trong hiện thực, chứ không ở dạng tiềm tàng. Khác với *khả năng* nói chung, NL là “một mức độ nhất định của khả năng con người, biểu thị ở việc hoàn thành có kết quả một hoạt động nào đó” [8, tr.213]. NL cũng không giống với *tài năng* vì *tài năng* là *mức độ NL cao hơn, biểu thị sự hoàn thành một cách sáng tạo một hoạt động nào đó* và càng khác với *năng khiếu* - khả năng sẵn có, mang tính bẩm sinh. Còn so với *kỹ năng*, NL lại có phạm vi nghĩa rộng hơn. Ví dụ, khả năng giao tiếp hiệu quả là một NL dựa trên kiến thức của mỗi cá nhân về ngôn ngữ, kỹ năng thực hành và thái độ hướng tới những người mà ta đang giao tiếp.

Từ định nghĩa trên, NL có những đặc điểm chính:

- NL là sự kết hợp giữa tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện của người học;
- NL là kết quả huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,...
- NL được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện ở sự thành công trong hoạt động thực tiễn.

Môn Lịch sử ở trường THPT có nhiệm vụ hình thành và phát triển các NL chung và NL đặc thù:

- NL chung là NL mà tất cả các môn học ở trường phổ thông đều góp phần hình thành theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình giáo dục tổng thể (2018), bao gồm: NL tự chủ và tự học; NL giao tiếp và hợp tác; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- NL đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định, bao gồm: NL ngôn ngữ; NL tính toán; NL khoa học; NL công nghệ; NL tin học; NL thẩm mỹ; NL thể chất [7].

NL lịch sử thuộc NL khoa học. Chương trình môn Lịch sử THPT giúp HS phát triển NL lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản và nâng cao về lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam thông qua hệ thống chủ đề, chuyên đề về lịch sử chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh. NL lịch sử có các thành phần là: NL tìm hiểu lịch sử; NL nhận thức và tư duy; NL vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học [9].

#### \* Phát triển NL VDKT của HS

*Từ điển Tiếng Việt* định nghĩa: “Phát triển: biến đổi hoặc làm cho biến đổi theo chiều hướng tăng, từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp” [10; tr.1204]. “Vận dụng là đem tri thức vận dụng vào thực tiễn” [10; tr.1105].

Tác giả Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh cho rằng: “NL VDKT là khả năng của bản thân người học tự giải quyết những vấn đề đặt ra một cách nhanh chóng và hiệu quả bằng cách áp dụng kiến thức đã lĩnh hội vào những tình huống, những hoạt động thực tiễn để tìm hiểu thế giới xung quanh và có khả năng biến đổi nó. NLVDKT thể hiện phẩm chất, nhân cách của con người trong quá trình hoạt động để thỏa mãn nhu cầu chiếm lĩnh tri thức” [11, tr.52].

Theo tác giả Phan Thị Thanh Hội và Nguyễn Thị Tuyết Mai: “VDKT vào thực tiễn là quá trình đem tri thức áp dụng vào những hoạt động của con người nhằm tạo ra những điều kiện cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của xã hội” [11, tr.52].

Trình Lê Hồng Phương định nghĩa: “NL VDKT vào thực tiễn là khả năng người học sử dụng những kiến thức, kĩ năng đã học trên lớp hoặc học qua trải nghiệm thực tế của cuộc sống để giải quyết những vấn đề đặt ra trong những tình huống đa dạng và phức tạp của đời sống một cách hiệu quả và có khả năng biến đổi nó. NL VDKT thể hiện phẩm chất, nhân cách của con người trong quá trình hoạt động để thỏa mãn nhu cầu chiếm lĩnh tri thức” [12; tr 120].

Như vậy, NLVDKT của HS là khả năng của HS có thể vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết thành công các tình huống học tập hoặc tình huống thực tế trong đời sống hằng ngày.

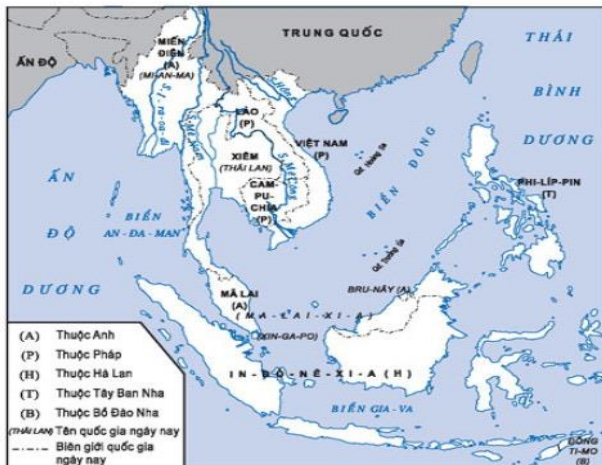
Từ các khái niệm trên, có thể hiểu, *phát triển NL VDKT của HS là quá trình giúp HS vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết thành công các tình huống học tập hoặc tình huống thực tế ngày càng có hiệu quả cao hơn.*

## 2.2. Biểu hiện NL VDKT của HS trong DHLS ở trường THPT

Trên cơ sở phân tích khái niệm và quy định của Chương trình môn Lịch sử THPT (2018) [8], theo chúng tôi, NL VDKT của HS trong DHLS ở trường THPT gồm:

- *VDKT của bài cũ để giải quyết các vấn đề của bài mới*: Theo Đairi: “Nội dung của hầu như giờ học nào cũng gắn bó chặt chẽ với những giờ học trước và giờ học sau. Và việc HS nắm kiến thức một cách đầy đủ vững chắc chỉ có thể được với điều kiện phát hiện và củng cố những mối liên hệ và sự có mặt dù chỉ một khâu nào đấy, sẽ có tác dụng giúp làm nhớ lại các khâu khác” [13, tr.33]. Chính vì vậy, GV cần hướng dẫn cho HS VDKT của bài học trước để giải thích cho các sự kiện, hiện tượng ở bài sau.

**Ví dụ:** Trước khi dạy *Bài 19. Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (Từ năm 1858 đến trước năm 1873)*, GV sử dụng *Lược đồ Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX*, hướng dẫn HS ghi nhớ lại kiến thức của *Bài 4. Các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX*, để thấy được hoàn cảnh lịch sử khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam:



Lược đồ Đông Nam Á cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX  
(nguồn sách giáo khoa Lịch sử lớp 11)

### Quan sát Lược đồ Đông Nam Á cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX và trả lời các câu hỏi:

- ✓ Tình hình các nước Đông Nam Á cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX có đặc điểm gì nổi bật?
- ✓ Việt Nam là thuộc địa của nước nào?
- ✓ Vì sao chủ nghĩa tư bản Âu – Mỹ lại xâm lược các nước Đông Nam Á?

Từ câu trả lời của HS, GV nêu vấn đề, dẫn dắt vào bài mới: *Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các nước Đông Nam Á đều trở thành thuộc địa của các nước đế quốc Âu - Mỹ (trừ Xiêm) và Việt Nam là thuộc địa của thực dân Pháp. Vậy thực dân Pháp xâm lược Việt Nam từ khi nào? Quá trình kháng chiến chống Pháp của nhân dân ra sao? Các em hãy giải đáp những câu hỏi này khi học Bài 19. Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (Từ năm 1858 đến trước năm 1873).*

- *VDKT của lịch sử thế giới để giải thích các sự kiện, hiện tượng lịch sử Việt Nam:* Trong quá trình tồn tại và phát triển, mỗi dân tộc đều có đóng góp nhất định đối với lịch sử nhân loại, có mối quan hệ với các dân tộc khác và toàn bộ xã hội loài người. Cho nên, khi DHLN Việt Nam, GV cần giúp HS hiểu được mối quan hệ giữa lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới, cũng như sử dụng kiến thức của lịch sử thế giới để giải thích các sự kiện, hiện tượng lịch sử dân tộc.

**Ví dụ:** Khi dạy Mục I.2. Tình hình Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất, *Bài 20. Chiến sự lan rộng ra cả nước. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta từ năm 1873 đến năm 1884. Nhà Nguyễn đầu hàng*, GV đặt câu hỏi phát vấn:

- Tại sao từ năm 1867, sau khi chiếm xong Nam Kỳ, thực dân Pháp không lập tức tiến đánh Bắc Kỳ?

- Tại sao sau khi chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ, mà không phải là Trung Kỳ?

Để trả lời được những câu hỏi này, HS phải vận dụng những kiến thức đã học về tình hình nước Pháp, đó là: Sau khi chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp phải tiến hành chấn chỉnh, ổn định Nam Kỳ. Thêm vào đó, giữa thế kỉ XIX, nước Pháp bước vào thời kì có nhiều biến động lớn. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội không cho phép nước Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh chinh phạt Việt Nam.

Ở câu hỏi: Tại sao sau khi chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ, mà không phải là Trung Kỳ đòi hỏi HS phải vận dụng những hiểu biết của mình về đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc nói chung, chủ nghĩa đế quốc Pháp nói riêng. Các nước đế quốc xâm lược thuộc địa đều nhằm các mục đích: Mở rộng thị trường, vơ vét tài nguyên thiên nhiên và bóc lột nguồn nhân công rẻ mạt. Bắc Kỳ là nơi hội tụ đầy đủ các yếu tố đó: Giàu tài nguyên khoáng sản; có đồng bằng Bắc Bộ - vựa lúa lớn thứ hai của cả nước; đồng dân có nguồn nhân lực dồi dào; chiếm được Bắc Kỳ, thực dân Pháp dễ dàng dọc theo sông Hồng, tiến đánh phía Nam Trung Quốc. Chính vì vậy, đến năm 1873, tình hình lúc này tạm ổn, nước Pháp đã tiếp tục tiến đánh Bắc Kỳ, mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta.

- *Liên hệ lịch sử dân tộc với lịch sử địa phương:* Lịch sử địa phương có vị trí quan trọng trong chương trình lịch sử phổ thông, giúp HS hiểu rõ hơn lịch sử dân tộc, nhất là những sự kiện lớn xảy ra ở địa phương. Đồng thời hiểu biết lịch sử địa phương sẽ giúp HS biết được những đóng góp của quê hương mình đối với lịch sử dân tộc, từ đó nuôi dưỡng tình yêu quê hương, tinh thần trách nhiệm đối với quê hương, đất nước.

**Ví dụ:** Khi dạy Những chuyên biến về kinh tế, *Bài 22. Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp*, để HS hiểu sâu sắc hơn mục đích xây dựng hệ thống giao thông của Pháp và rút ra nhận xét những chuyên biến về kinh tế Việt Nam, GV ở các trường THPT tỉnh Thừa Thiên Huế có thể hướng dẫn HS đọc tư liệu về cầu Trường Tiền, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập (trang sau).

Để trả lời được những câu hỏi trên, HS phải vận dụng có kiến thức về địa danh học, địa lí, lịch sử và những hiểu biết thực tế phong phú: Cầu Trường Tiền có nhiều tên gọi: Cầu Thành Thái, cầu Clémenceau, cầu Nguyễn Hoàng... nhưng tên gọi cuối cùng cho tới bây giờ là cầu Trường Tiền, do vị trí cầu qua sông Hương gần xưởng đúc tiền xưa kia của triều đình nhà Nguyễn.

PHIẾU HỌC TẬP

- Nhóm:..... Lớp:.....

TỰ LIỆU

Dưới thời vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497), sông Hương đã có cầu. Chiếc cầu đó được làm bằng song mây bó chặt lại và nối liền nhau, nên có tên là cầu Mây. Rồi vì cầu có hình cái móng úp lên sông, nên còn có tên là cầu Móng.

Không biết năm nào, cầu Móng được làm lại bằng gỗ, mặt cầu lát bằng ván gỗ lim. Năm Thành Thái thứ 9 (1897), chiếc cầu trên được nhà cầm quyền giao cho hãng Eiffel (Pháp), do Gustave Eiffel thiết kế và xây dựng lại bằng sắt. Đến năm 1899 thì hoàn thành và được mang tên vị vua này. Cầu Trường Tiền có cấu trúc 6 vòm 12 nhịp, chiều dài cầu 401m, bề ngang lòng cầu 6m20, mặt cầu lúc đó chỉ mới lát bằng ván gỗ lim. Các vòm nhịp cầu có hình bán nguyệt rất điệu đà duyên dáng, hình dáng đó về cơ bản được giữ nguyên cho tới ngày nay.

Đến năm Giáp Thìn (1904), bão lớn làm cầu hư hỏng nặng. Hai năm sau (1906), chiếc cầu mới được sửa chữa lại bằng xi măng cốt thép. Năm 1937, dưới triều vua Bảo Đại, cầu Trường Tiền được trùng tu, cải tạo lớn, mở rộng hành lang hai bên cho xe đạp và người đi bộ. Ở hành lang tại vị trí trụ cầu giữa 2 vòm có các ban công phình rộng ra - là nơi nghỉ chân, ngắm cảnh hay tránh nhau.

Từ khi ra đời, cầu Trường Tiền có nhiều tên gọi: Cầu Thành Thái, cầu Clémenceau, cầu Nguyễn Hoàng ... nhưng tên gọi cuối cùng cho tới bây giờ là cầu Trường Tiền (Tràng Tiền), do vị trí cầu qua sông Hương gần xưởng đúc tiền xưa kia của triều đình nhà Nguyễn. Trước khi cầu Trường Tiền được xây dựng, nơi đây có một bến đò ngang cũng mang tên Trường Tiền.

NHIỆM VỤ

- Vì sao có tên là cầu Trường Tiền?

- Xác định vị trí của cầu Trường Tiền trên lược đồ?

- Mục đích xây dựng cầu Trường Tiền?

- Tác động của cầu Trường Tiền đến đời sống kinh tế - xã hội?

Đây cũng là một trong những cây cầu đầu tiên được xây dựng ở Đông Dương vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX theo kiến trúc Gothique, sử dụng kĩ thuật và vật liệu mới của phương Tây với kết cấu thép. Trên cơ sở xác định được vị trí địa lí của cầu Trường Tiền trên lược đồ, HS rút ra mục đích xây dựng cầu là để nối Toà Khâm sứ Trung Kỳ ở bờ Nam với Kinh thành ở bờ Bắc, nhằm giám sát triều đình Huế nằm trên con đường thiên lí Bắc - Nam (Quốc lộ 1), phục vụ cho mục đích quân sự và công cuộc khai thác lâu dài. Tuy nhiên, việc xây dựng cầu Trường Tiền có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đây là cầu đường bộ đầu tiên ở Trung Kỳ bắc qua sông Hương, mở ra một giai đoạn phát triển mới cho Huế và cũng là dấu mốc chấm dứt thời gian dài đò giang cách trở của hai bờ Bắc - Nam, tạo điều kiện cho giao thông, kinh tế, văn hoá,... phát triển. Từ đó, các em có thể hiểu sâu sắc được mục đích của Pháp khi đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, những tác động tiêu cực và tích cực ngoài mong muốn của Pháp trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam.

- *Rút ra được bài học lịch sử và VDKT lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống và thời sự.* Bài học lịch sử là những bài học rút ra từ quá khứ, có ích cho cuộc sống hiện tại. Đó là những bài học thành công hay thất bại. Bài học lịch sử đạt trình độ cao hơn kinh nghiệm lịch sử ở tính khái quát - lí luận, thể hiện ở mức độ nhất định tính quy luật, giúp cho người đời sau tránh được những thiếu sót sai lầm đã phạm, vận dụng, phát huy sáng tạo những điều tích cực, thành công. Trong dạy học theo định hướng phát triển NL, GV cần hướng dẫn HS rút ra được bài học lịch sử, định hướng thái độ và hành động đúng đắn cho bản thân.

**Ví dụ:** Khi dạy *Bài Sơ kết lịch sử Việt Nam (1858 - 1918)*, trên cơ sở giải thích được nguyên nhân không thành công của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vào cuối thế kỉ XIX, GV hướng dẫn HS VDKT đã học, rút ra được những bài học lịch sử cơ bản, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Từ đó, các em có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- *Có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử:* Khi được phát triển NL VDKT, HS sẽ trở thành “người đóng vai lịch sử”, tự mình khai thác các nguồn sử liệu, đồng thời biết cách phân tích sự kiện, quá trình lịch sử và tự mình rút ra những nhận xét, đánh giá, tạo cơ sở phát triển NL tự học lịch sử suốt đời và khả năng ứng dụng vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội Việt Nam và thế giới.

**Ví dụ:** Sau khi giảng dạy quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858 - 1884), GV yêu cầu các nhóm HS tự trải nghiệm, tìm hiểu một số di tích tại địa phương mình để thực hiện các dự án học tập, mở rộng hiểu biết của mình về các sự kiện, nhân vật của Thừa Thiên Huế liên quan đến lịch sử dân tộc giai đoạn này, phát triển NL tự học, chẳng hạn:

- Huyện Phong Điền: HS tìm hiểu Lăng mộ và nhà thờ Nguyễn Tri Phương, Mộ Đặng Huy Trứ, Lăng mộ Nguyễn Lộ Trạch.

- Thị xã Hương Trà: HS tìm hiểu Nhà thờ Đặng Huy Trứ.

- Huyện Quảng Điền: HS tìm hiểu Lăng mộ Trần Thúc Nhẫn.

- Huyện Phú Vang: HS tìm hiểu Trấn Hải thành...

Trên cơ sở kiến thức thu nhận được trong hoạt động trải nghiệm, HS tiếp tục đánh giá sâu sắc hơn vai trò của các sự kiện, nhân vật đối với lịch sử dân tộc và lịch sử địa phương.

### **2.3. Quy trình dạy học theo hướng phát triển NL VDKT của HS trong DHLS ở trường THPT**

Cần lưu ý rằng, trong quá trình dạy học, HS không thể phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn nếu chưa được hình thành năng lực. Vì thế, trong mục này, chúng tôi đưa ra quy trình phát triển năng lực vận dụng kiến thức của HS trên cơ sở các em đã được hình thành năng lực (đã được lĩnh hội kiến thức lịch sử, làm cơ sở cho việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn).

Dạy học theo hướng phát triển NL VDKT của HS trong DHLS ở trường THPT được tiến hành theo các bước sau đây:

**Bước 1: Xác định mục tiêu bài dạy (những nội dung cần phát triển NL VDKT của HS):**

- GV cần xác định mục tiêu bài dạy được thể hiện trên các mặt NL và phẩm chất, trong đó có NL VDKT.

- GV xác định những nội dung phát triển NL VDKT của HS trong các trường hợp sau:

+ Vận dụng kiến thức của bài cũ để giải quyết các vấn đề của bài mới.

+ Liên hệ kiến thức của lịch sử thế giới với lịch sử Việt Nam.

+ Liên hệ lịch sử dân tộc với lịch sử địa phương.

+ Rút ra được bài học lịch sử.

+ Vận dụng được kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống, vấn đề thời sự.

+ Tự tìm hiểu một vấn đề lịch sử.

**Bước 2: Xác định, lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học để hướng dẫn HS vận dụng kiến thức:**

PPDH lịch sử rất đa dạng, phong phú, khi xác định được nội dung kiến thức cần vận dụng, GV phải lựa chọn được PPDH phù hợp với trình độ HS để đạt hiệu quả dạy học cao nhất như phương pháp dạy học theo tình huống, phương pháp đóng vai, phương pháp dạy học theo dự án...

**Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn HS vận dụng kiến thức:**

GV tổ chức cho HS làm việc theo cá nhân, nhóm nhỏ hoặc lớn tùy vào mục đích và nội dung nhiệm vụ, đồng thời theo dõi quá trình hoạt động của HS để điều chỉnh khi cần thiết.

**Bước 4: Điều khiển HS báo cáo, thảo luận:**

GV tổ chức cho cá nhân hay đại diện mỗi nhóm báo cáo kết quả vận dụng, đưa ra ý kiến của nhóm mình, trao đổi, thảo luận, phân tích để giải thích, bảo vệ quan điểm của mình.

**Bước 5: GV nhận xét, đánh giá và kết luận (chốt kiến thức):**

GV định hướng cho HS kết luận vấn đề, chính xác hóa kiến thức, đồng thời đánh giá hoạt động học tập của HS. HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau, điều chỉnh những sai sót của bản thân.

**Ví dụ:** Phát triển NL VDKT của HS khi dạy *Bài 21. Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX (tiết 1)*

**Bước 1: Xác định mục tiêu bài dạy (những nội dung cần phát triển NL VDKT của HS):**

### **I. Mục tiêu bài học**

Sau khi tìm hiểu chủ đề, HS cần đạt được:

#### **1. Năng lực**

##### **1.1. Năng lực lịch sử**

- **Năng lực tìm hiểu lịch sử:** Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu một số DTLS tại Thừa Thiên Huế; trình bày được diễn biến cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến trên lược đồ.

- **Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Giải thích được nguyên nhân của cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến ở Đồn Mang Cá và Toà Khâm sứ Trung Kỳ; nhận xét được đặc điểm của phong trào Cần vương.

- **Năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học:** Vận dụng được kiến thức bài học để giải thích về sự ra đời của Đàn Âm hồn, Miếu Âm hồn, Chùa Ba Đồn; phong tục cúng Kinh đô thất thủ ở Huế.

##### **1.2. Năng lực chung**

- **NL giao tiếp và hợp tác:** Biết cách lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu để hoàn thành dự án học tập.

- **NL tự chủ và tự học:** Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu một số di tích lịch sử tại Thừa Thiên Huế liên quan đến nội dung bài học.

- **NL giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất để bảo tồn và phát huy của các di tích lịch sử, phong tục cúng Kinh đô thất thủ ở Huế.

#### **2. Phẩm chất**

- **Yêu nước:** Giáo dục cho HS lòng yêu nước, ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc, bước đầu nhận thức được những yêu cầu mới cần phải có để đưa cuộc đấu tranh chống ngoại xâm đến thắng lợi.

- **Nhân ái:** Phê phán tội ác của thực dân Pháp, đồng cảm với nỗi khổ của quần chúng nhân dân.

- **Trách nhiệm:** Ý thức bảo vệ, gìn giữ và phát huy những giá trị của di tích lịch sử, phong tục tốt đẹp của quê hương.

### **II. Những nội dung cần phát triển NL VDKT**

Ở bài học này, GV có thể phát triển NL VDKT ở những nội dung sau đây:

- Vận dụng kiến thức liên môn để giải thích: *Vì sao quân Pháp lại tăng cường lực lượng quân sự ở cửa Toà Khâm sứ Trung Kỳ và Đồn Mang Cá?*

- Từ nguyên nhân thất bại của cuộc phản công, rút ra bài học lịch sử.

- Vận dụng được kiến thức bài học để giải thích về sự ra đời của Đàn Âm hồn, Miếu Âm hồn, Chùa Ba Đồn; phong tục cúng Kinh đô thất thủ ở Huế (năng lực vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử địa phương có liên quan đến chương trình lịch sử dân tộc ở cùng giai đoạn)

**Bước 2: Xác định, lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học để hướng dẫn HS vận dụng kiến thức:**



Trên cơ sở nội dung, GV xác định các PPDH hướng dẫn HS vận dụng kiến thức:

- Sử dụng phương pháp trực quan và phương pháp sử dụng tài liệu hướng dẫn HS giải thích: *Vì sao quân Pháp lại tăng cường lực lượng quân sự ở cửa Toà Khâm sứ Trung Kỳ và Đồn Mang Cá?*

- Sử dụng phương pháp thảo luận, hướng dẫn HS từ nguyên nhân thất bại của cuộc phản công, rút ra bài học lịch sử.

- Tổ chức dạy học theo dự án, hướng dẫn HS liên hệ, tìm hiểu lịch sử địa phương về sự ra đời của Đền Âm hôn, Miếu Âm hôn, Chùa Ba Đồn; phong tục cúng Kinh đô thất thủ ở Huế.

**Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn HS vận dụng kiến thức:**

Tùy thuộc vào nội dung, GV tổ chức cho HS làm việc theo cá nhân, nhóm nhỏ hoặc lớn để giải quyết nhiệm vụ đặt ra. Chẳng hạn, GV tổ chức cho HS thảo luận theo hình thức cặp đôi quan sát lược đồ và nghiên cứu tài liệu để xác định được vị trí của Toà Khâm sứ Trung Kỳ và Đồn Mang Cá và giải thích được vì sao quân Pháp lại tăng cường lực lượng quân sự ở hai vị trí này.



Xác định vị trí của Toà Khâm sứ Trung Kỳ và Đồn Mang Cá trên lược đồ.

Vì sao quân Pháp lại tăng cường lực lượng quân sự ở Toà Khâm sứ Trung Kỳ và Đồn Mang Cá?  
.....  
.....  
.....

Trên cơ sở xác định vị trí Toà Khâm sứ Trung Kỳ, Đồn Mang Cá và tài liệu GV cung cấp, cùng với vốn hiểu biết thực tiễn của mình để giải quyết vấn đề.

**Bước 4: Điều khiển HS báo cáo, thảo luận:**

Hết thời gian thảo luận, GV tổ chức cho HS trình bày ý kiến của bản thân/nhóm. Các HS khác bổ sung kiến thức để rút ra nhận xét: Pháp tăng cường lực lượng quân sự ở hai vị trí này nhằm kìm kẹp, theo dõi các hoạt động của triều Nguyễn trong Kinh thành Huế và loại bỏ phái chủ chiến.

**Bước 5: GV nhận xét, đánh giá và kết luận (chốt kiến thức):**

Cuối cùng, GV nhận xét, đánh giá chất lượng nguồn tài liệu HS đã sưu tầm, cũng như quá trình hoạt động của nhóm và chính xác hoá kiến thức.

**2.4. Đánh giá NL VDKT của HS trong DHLS ở trường THPT**

Đánh giá trong dạy học là quá trình thu thập những thông tin về sản phẩm của HS khi thực hiện các hoạt động học tập, qua đó xác định mức độ đạt được so với mục tiêu đặt ra, và xác nhận sự tiến bộ của bản thân người học, từ đó có những biện pháp để điều chỉnh việc dạy và học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

Hiện nay, xu hướng đổi mới đánh giá trong DHLS chuyển từ chủ yếu đánh giá kiến thức, kỹ năng sang đánh giá NL của HS, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử, thuộc lòng và ghi nhớ máy móc làm trọng tâm, mà chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức lịch sử đã học trong những tình huống cụ thể. Từ đó, khuyến khích được sự say mê học



tập, tìm hiểu, khám phá các vấn đề lịch sử của HS; giúp các em có thêm sự tự tin, chủ động sáng tạo trong học tập. Để đánh giá được NL VDKT của HS, GV cần:

- Xác định được biểu hiện của NL VDKT, đây là cơ sở để xây dựng tiêu chí đánh giá;
- Xây dựng được tiêu chí đánh giá, có nghĩa là mô tả NL VDKT của HS dưới dạng các tiêu chí và chỉ báo hay các chỉ số chất lượng cho các hành vi;
- Thiết kế bộ công cụ đánh giá NL. Các công cụ đánh giá NL VDKT của HS thường sử dụng là các câu hỏi, bài tập, bài tập tình huống, bài tập thực tiễn, bài tập dự án,... Kèm theo đó là các bảng kiểm, bảng hỏi, bảng quan sát, rubrics... Tùy theo NL, kĩ năng thành tố mà GV có thể lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá phù hợp.
- Tổ chức đánh giá NL VDKT của HS, phân tích kết quả, xây dựng đường phát triển NL VDKT của HS.

Chẳng hạn, để đánh giá được biểu hiện của NL VDKT đó là HS vận dụng được kiến thức của bài học vào thực tiễn, GV xây dựng bảng rubrics đánh giá NLVDKT vào thực tiễn của HS THPT [10, tr.54]:

Tiêu chí	Mức độ		
	Mức 3	Mức 2	Mức 1
<b>Phát hiện được vấn đề thực tiễn</b>	Phát hiện được vấn đề thực tiễn. Chỉ ra được mâu thuẫn trong vấn đề. Đặt được các câu hỏi có vấn đề	Phát hiện được vấn đề thực tiễn. Chỉ ra được mâu thuẫn trong vấn đề.	Phát hiện được vấn đề thực tiễn.
<b>Huy động được kiến thức liên quan đến vấn đề thực tiễn và đề xuất được giả thuyết</b>	- Phân tích làm rõ được nội dung vấn đề. - Nêu được các kiến thức liên quan và thiết lập các mối quan hệ giữa kiến thức đã học hoặc kiến thức cần tìm hiểu với vấn đề thực tiễn. - Đề xuất được giả thuyết khoa học.	- Phân tích làm rõ được nội dung vấn đề. - Nêu được các kiến thức liên quan và thiết lập các mối quan hệ giữa kiến thức đã học hoặc kiến thức cần tìm hiểu với vấn đề thực tiễn.	Phân tích làm rõ được nội dung vấn đề.
<b>Tìm tòi, khám phá kiến thức liên quan đến thực tiễn</b>	Đề xuất được một số phương án tìm tòi, khám phá kiến thức chứng minh giả thuyết. Lựa chọn phương án tối ưu và thiết kế kế hoạch thực hiện nghiên cứu, điều tra, khảo sát thực địa, làm thí nghiệm...để chứng minh giả thuyết.	Đề xuất được một số phương án tìm tòi, khám phá kiến thức chứng minh giả thuyết.	Đề xuất được một phương án tìm tòi, khám phá kiến thức chứng minh giả thuyết.
<b>Thực hiện giải quyết vấn đề thực tiễn và có thể đề xuất vấn đề mới</b>	Thực hiện nghiên cứu, điều tra, khảo sát thực địa, làm thí nghiệm...để chứng minh giả thuyết. Đề xuất ý tưởng mới về vấn đề thực tiễn đặt ra hoặc các vấn đề thực tiễn liên quan.	Thực hiện nghiên cứu, điều tra, khảo sát thực địa, làm thí nghiệm...để chứng minh giả thuyết.	Bước đầu thực hiện nghiên cứu, điều tra, khảo sát thực địa, làm thí nghiệm... để chứng minh giả thuyết.

**Ví dụ:** Khi dạy Bài 21. Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX (tiết 1), ở hoạt động củng cố, vận dụng, GV sử dụng bài tập thực tiễn,

yêu cầu các nhóm xem đoạn phim phóng sự: *Thất thủ Kinh đô - Đài tưởng niệm trong lòng dân* của Đài Truyền hình TRT và thảo luận để đóng vai nhà nghiên cứu trình bày những vấn đề sau:

Câu hỏi	Tiêu chí thể hiện NL VDKT
Đây là phong tục nào?	Phát hiện được vấn đề thực tiễn.
Vì sao lại xuất hiện phong tục này?	Xác định được kiến thức liên quan đến vấn đề thực tiễn.
Giải thích ý nghĩa các vật phẩm nhân dân sử dụng để cúng? Ý nghĩa của phong tục.	Tìm tòi, khám phá kiến thức liên quan đến thực tiễn.
Đề xuất được các giải pháp giữ gìn và phát huy giá trị của phong tục.	Thực hiện giải quyết vấn đề thực tiễn và có thể đề xuất vấn đề mới.

Dựa vào rubrics đã xây dựng, tổng hợp kết quả các nhóm đánh giá lẫn nhau, tự đánh giá, GV đánh giá HS để đưa ra kết luận về NL VDKT vào thực tiễn của HS, từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh phương pháp dạy của thầy và phương pháp học của trò, nhằm nâng cao hiệu quả dạy học.

### 3. Kết luận

“Học đi đôi với hành, lí luận gắn liền với thực tiễn” là nguyên lí giáo dục của Đảng, được thể chế trong Điều 3, Luật Giáo dục 2019. Ngay từ thời cổ đại, các nhà Sử học đã khẳng định rằng “Lịch sử là cô giáo của cuộc sống”, “Lịch sử là bó đuốc soi đường đi tới tương lai”. Việc biết, hiểu đúng được những tri thức phong phú và bài học sinh động từ lịch sử sẽ giúp con người vận dụng vào thực tiễn cuộc sống, cũng như hoạch định được tương lai. Chính vì vậy, phát triển NLVDKT của HS là rất cần thiết trong DHLS ở trường THPT, giúp các em có khả năng kết nối những vấn đề lịch sử trong quá khứ với cuộc sống hiện tại, nhận thức được giá trị khoa học và thực tiễn của Sử học trong đời sống xã hội hiện đại, từ đó có tình yêu đối với lịch sử, văn hoá dân tộc và nhân loại; góp phần định hướng lựa chọn nghề nghiệp của mình.

**\*Ghi chú:** Bài báo nằm trong khuôn khổ đề tài cấp Đại học Huế: *Phát triển năng lực vận dụng kiến thức cho học sinh trong dạy học lịch sử Việt Nam ở trường Trung học phổ thông*, mã số DHH2020-03-130 do Nguyễn Thành Nhân làm chủ nhiệm.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Giang, 2013. *Liên hệ kiến thức bài học với thực tiễn trong dạy học lịch sử Việt Nam (1954-2000) lớp 12 THPT - Chương trình Chuẩn*. Luận văn thạc sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thị Hoàn, 2014. *Phát triển năng lực vận dụng kiến thức thông qua dạy học chương “Đẫn xuất Halogen-Ancol-Phenol”*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Huỳnh Quang Nhật Linh, 2016. *Phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh tiểu học thông qua dạy học các yếu tố thống kê*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- [4] Hồ Thị Kim Loan, 2017. *Bồi dưỡng năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh qua dạy học nhóm chương “Lượng tử ánh sáng”, Vật lí 12, Trung học phổ thông*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- [5] Trần Thị Như Quỳnh, 2017. *Phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh thông qua việc sử dụng bài tập có nội dung thực tế trong dạy học chương “Tĩnh học*

- vật rắn”, *Vật lí 10 nâng cao*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- [6] Nguyễn Khắc Kính, 2019. *Phát triển năng lực vận dụng kiến thức của học sinh qua dạy học lịch sử Việt Nam từ 1954 đến 1975 ở trường Trung học phổ thông*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang, 2006. *Giáo trình Tâm lí học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [9] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. *Chương trình giáo dục môn Lịch sử trung học phổ thông*. Hà Nội.
- [10] Hoàng Phê (chủ biên), 1997. *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng.
- [11] Nguyễn Thị Thu Hằng, Phan Thị Thanh Hội, 2018. “Đánh giá năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh trong dạy học phần Sinh học vi sinh vật - Sinh học 10”. *Tạp chí Giáo dục*, số 432, kì 2 (6/2018), tr.52 - 56.
- [12] Trịnh Lê Hồng Phương, 2014. “Xác định hệ thống các năng lực học tập cơ bản trong dạy hóa học ở trường trung học phổ thông Chuyên”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, số 59, tr 109-123.
- [13] N.G. Đai-ri (Đặng Bích Hà - Nguyễn Cao Lũy dịch), 1978. *Chuẩn bị giờ học lịch sử như thế nào*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Đức Dũng, Hoàng Thị Minh Ngọc, 2016. “Phát triển NL VDKT cho HS THPT thông qua hệ thống bài tập phần Hoá học hữu cơ lớp 12 có nội dung thực tiễn”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Số 6, tr.288 – 196.

## ABSTRACT

### **Developing knowledge application competency of students in History teaching in high school (used through the History of Vietnam grade 11)**

Nguyen Thanh Nhan\* and Tran Thi Hai Le

*Faculty of History, University of Education, Hue University*

The orientation for innovation in history teaching methods in high schools is to actively engage learners' activities, focusing on organizing for students to carry out learning activities associated with life situations; linking intellectual activities with practical and practical activities. Measures to develop students' ability to apply knowledge are essential in teaching history in high schools, helping them to be able to connect historical issues in the past with current life. at present, aware of the scientific and practical value of History in modern social life, thereby having a love for history, national culture and humanity; contribute to orienting their career choice, implementing the educational principle of “Learning goes hand in hand with practice, theory with practice”.

**Keywords:** development, knowledge application competency, high school.